

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 1982 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 04 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ QL 1D đến QL 19 mới, thành phố Quy Nhơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 và Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 và Quyết định số 4213/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, GPMB thực hiện dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Phú và Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới;

Căn cứ Quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 28/7/2023, Quyết định số 3913/QĐ-UBND ngày 23/10/2023, Quyết định số 4611/QĐ-UBND ngày 13/12/2023, Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 và Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 18/8/2023;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 620/TTr-STNMT ngày 03/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, thành phố Quy Nhơn, với nội dung chính như sau:

1. Điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ
 - Điều chỉnh giảm toàn bộ giá trị BT, HT của 02 hộ gia đình và chi phí phục vụ công tác BT, GPMB (2%) tương ứng (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 28/7/2023), cụ thể như sau:
 - + Điều chỉnh giảm toàn bộ giá trị BT, HT của hộ ông Nguyễn Thọ (chết), vợ Nguyễn Thị Cường là 4.824.708.058 đồng;
 - + Điều chỉnh giảm toàn bộ giá trị BT, HT của hộ ông Nguyễn Thực là 3.084.403.800 đồng;
 - + Giảm chi phí phục vụ công tác BT, GPMB (2%) tương ứng là 158.182.237 đồng.
 - Điều chỉnh giảm toàn bộ giá trị BT, HT của hộ ông Nguyễn Trung, Nguyễn Thị Dĩ (chết), ông Nguyễn Văn Đay và Nguyễn Văn Quận đại diện kê khai là 5.400.058.000 đồng và chi phí phục vụ công tác BT, GPMB (2%) tương ứng là 108.001.160 đồng (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3913/QĐ-UBND ngày 23/10/2023);
 - Điều chỉnh giảm toàn bộ giá trị BT, HT của hộ ông Nguyễn Trung, Nguyễn Thị Dĩ (chết), ông Nguyễn Văn Đay và Nguyễn Văn Quận đại diện kê khai là 200.000.000 đồng và chi phí phục vụ công tác BT, GPMB (2%) tương ứng là 4.000.000 đồng (đã được UBND tỉnh phê duyệt Quyết định số 4611/QĐ-UBND ngày 13/12/2023);
 - Điều chỉnh giảm toàn bộ giá trị BT, HT của hộ ông Phạm Hàn (chết), con Phạm Trọng Huy đại diện kê khai là 2.962.998.600 đồng và chi phí phục vụ công tác BT, GPMB (2%) tương ứng là 59.259.972 đồng (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 11/10/2023).
2. Thu hồi các lô đất bố trí tái định cư
 - Thu hồi 02 lô đất tái định cư tại Khu dân cư phía Đông chùa Bình An đã giao cho hộ ông Nguyễn Thọ (chết), vợ Nguyễn Thị Cường và hộ ông Nguyễn

Thực (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 18/8/2023).

- Thu hồi 01 lô đất tái định cư tại Khu dân cư phía Đông chùa Bình An đã giao cho hộ ông Nguyễn Trung, Nguyễn Thị Dỹ (chết), ông Nguyễn Văn Đay và Nguyễn Văn Quận đại diện kê khai (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3913/QĐ-UBND ngày 23/10/2023).

3. Về giá trị bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư

a. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là 31.226.243.000 đồng, trong đó:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 30.613.964.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB 2%: 612.279.000 đồng.

b. Nguồn vốn chi trả: Vốn ngân sách Nhà nước.

c. Về tái định cư:

- Giao 07 lô đất ở tại Khu dân cư phía Đông chùa Bình An, với tổng diện tích đất ở được giao là 518,5m² cho 07 hộ gia đình;

- Giao 04 lô đất ở tại Khu dân cư Khu vực 4, phường Nhơn Bình, với tổng diện tích đất ở được giao là 745,2m² cho 02 hộ gia đình.

Tổng số tiền sử dụng đất các hộ phải nộp 10.596.550.000 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 1, 2, 3 và 4 kèm theo).

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 28/7/2023, Quyết định số 3913/QĐ-UBND ngày 23/10/2023, Quyết định số 4611/QĐ-UBND ngày 13/12/2023, Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 và Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Giao Ban GPMB tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19. (M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC 1

ĐIỀU CHỈNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐÃ ĐƯỢC UBND TỈNH PHÊ DUYỆT

Dự án: Xây dựng Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Tổng giá trị BT, HT đã được phê duyệt (đồng)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh giảm (đồng)	Ghi chú
A	TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 2802/QĐ-UBND NGÀY 28/7/2023				
1	Nguyễn Thọ (chết), vợ Nguyễn Thị Cường	332+334 Hùng Vương, P. Nhơn Bình	4.824.708.058	4.824.708.058	số thứ tự 05 trong Phụ lục
2	Nguyễn Thực	336 Hùng Vương, P. Nhơn Bình	3.084.403.800	3.084.403.800	số thứ tự 06 trong Phụ lục
I	Tổng giá trị BT, HT điều chỉnh giảm			7.909.111.858	
II	Giảm chi phí phục vụ công tác GPMB: (I) x 2%			158.182.237	
III	Tổng giá trị điều chỉnh giảm: (I) + (II)			<u>8.067.294.095</u>	
B	TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 3913/QĐ-UBND NGÀY 23/10/2023				
1	Nguyễn Trung (chết), Nguyễn Thị Dỹ (chết) con Nguyễn Văn Đay và Nguyễn Văn Quận ĐDKK	Tổ 9, Khu vực 2, phường Nhơn Bình	5.400.058.000	5.400.058.000	Phụ lục 1
I	Giá trị BT, HT điều chỉnh giảm			5.400.058.000	
II	Giảm chi phí phục vụ công tác GPMB: (I) x 2%			108.001.160	
III	Tổng giá trị điều chỉnh giảm: (I) + (II)			<u>5.508.059.160</u>	
C	TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 4611/QĐ-UBND NGÀY 13/12/2023				
1	Nguyễn Trung (chết), Nguyễn Thị Dỹ (chết) con Nguyễn Văn Đay và Nguyễn Văn Quận ĐDKK	Tổ 9, Khu vực 2, phường Nhơn Bình	200.000.000	200.000.000	Phụ lục 1

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Tổng giá trị BT, HT đã được phê duyệt (đồng)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh giảm (đồng)	Ghi chú
I	Giá trị BT, HT điều chỉnh giảm			200.000.000	
II	Giảm chi phí phục vụ công tác GPMB: (I) x 2%			4.000.000	
III	Tổng giá trị điều chỉnh giảm: (I) + (II)			<u>204.000.000</u>	
D	TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 3753/QĐ-UBND NGÀY 11/10/2023				
1	Phạm Hàn (chết), con Phạm Trọng Huy ĐDKK	08/1 Đào Tấn, phường Nhơn Bình	2.962.998.600	2.962.998.600	Phụ lục 1
I	Giá trị BT, HT điều chỉnh giảm			2.962.998.600	
II	Giảm chi phí phục vụ công tác GPMB: (I) x 2%			59.259.972	
III	Tổng giá trị điều chỉnh giảm: (I) + (II)			<u>3.022.258.572</u>	

PHỤ LỤC 2

THU HỒI ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ ĐÃ GIAO VÀ ĐIỀU CHỈNH GIÁM TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP
CHO CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN: TUYẾN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639),
ĐOẠN TỪ QL1D ĐẾN QL19 (MỚI)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Thu hồi đất tái định cư và giảm tiền sử dụng đất phải nộp							Điều chỉnh giảm giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Diện tích đất ở được bồi thường (m ²)	Lô đất, khu, đường, lộ giới	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất cụ thể khu TĐC (đồng/m ²)	Đơn giá đất ở thị trường (đồng/m ²)	Giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp điều (đồng)		
I	TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 3081/QĐ-UBND NGÀY 18/8/2023										
1	Nguyễn Thọ (chết), vợ Nguyễn Thị Cường	KV2, P. Nhơn Bình	120,1	Lô 20 - Khu N-đường Đ14, lộ giới 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	120	7.500.000		900.000.000	900.000.000	trong Phụ lục tại mục B số thứ tự 04
2	Nguyễn Thực	KV2, P. Nhơn Bình	69,8	Lô 23 - Khu N-đường Đ14, lộ giới 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	75	7.500.000	10.000.000	575.500.000	575.500.000	trong Phụ lục tại mục B số thứ tự 07
II	TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 3913/QĐ-UBND NGÀY 23/10/2023										
1	Nguyễn Trung (chết), Nguyễn Thị Dỹ (chết), ông Nguyễn Văn Đay và ông Nguyễn Văn Quận ĐDKK	Tổ 9, khu vực 2, phường Nhơn Bình	150,00	Lô 9-10, Khu E, đường Đ1(B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	175	7.500.000	10.000.000	1.375.000.000	1.375.000.000	Phụ lục 2

PHỤ LỤC 3

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN: XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639), ĐOẠN TỪ QUỐC LỘ 1D ĐẾN QUỐC LỘ 19 (MỚI)

Địa điểm: phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Số liệu đo đạc phục vụ GPMB				Loại đất	DT thu hồi theo Quy hoạch (m ²)	DT hộ đề nghị thu hồi (m ²)	Trong đó			Giá trị BT đất đai	Các khoản hỗ trợ			Giá trị BT, HT vật kiến trúc	Giá trị BT cây cối, hoa màu	Tổng giá trị BT, HT	Giao đất tái định cư		
			Số thửa	Mảnh trích đo số	Tờ bản đồ địa chính số	Tổng DT thửa đất (m ²)				Đất ở (m ²)	Đất nông nghiệp (m ²)	DT không bồi thường (m ²)		Hỗ trợ 50% giá đất ở	Các khoản BT, HT khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB						
I	Đất chưa được cấp GCNQSD đất								1.290,1	0,0	339,9	937,9	12,3	7.903.849.850	2.625.000.000	112.000.000	25.000.000	2.645.985.493	11.975.750	13.323.811.093		
1	Nguyễn Thọ (chết), vợ Nguyễn Thị Cường	332 Hùng Vương, phường Nhơn Bình	162	3	77	64,9	OĐT	64,9		54,80		10,1	1.726.071.250		27.000.000	5.000.000		233.774.132	662.000	1.992.507.382	TĐC	
2	Nguyễn Hồng Sanh (chết), vợ Đoàn Thị Sáu	334 Hùng Vương, phường Nhơn Bình	161	3	77	67,5	OĐT	67,5		65,32		2,18	2.057.457.200		29.000.000	7.000.000		573.844.920	3.360.000	2.670.662.120	TĐC	
3	Nguyễn Thực (chết), vợ Phạm Thị Khánh	336 Hùng Vương, phường Nhơn Bình	160	3	77	69,8	OĐT	69,8		69,8			2.198.298.400		29.000.000	7.000.000		751.434.151	3.045.000	2.988.777.551	TĐC	
4	Nguyễn Trung (chết), Nguyễn Thị Dỹ (chết), ông Nguyễn Văn Đay, ông Nguyễn Văn Quận đồng quyền sử dụng	Tổ 9, Khu vực 2, phường Nhơn Bình	139	3	77	1.087,9		1.087,9		150,0	937,9		1.922.023.000	2.625.000.000	27.000.000	6.000.000		1.086.932.291	4.908.750	5.671.864.041	TĐC	
II	Đất có chứng thư kiến điền								734,7	0,0	700,8	33,9	0,0	16.691.583.000	403.410.000	0	5.000.000		156.724.600	33.435.000	17.290.152.600	
5	Phạm Hàn (chết), con Phạm Trọng Huy ĐDKK	08/1 Đào Tấn, phường Nhơn Bình	92	3	77	1.653,7		734,7		700,8	33,9		16.691.583.000	403.410.000		5.000.000		156.724.600	33.435.000	17.290.152.600	TĐC	
IV	A. Tổng giá trị BT, HT								2.024,8	0,0	1.040,7	971,8	12,3	24.595.432.850	3.028.410.000	112.000.000	30.000.000		2.802.710.093	45.410.750	30.613.964.000	
	B. Chi phí GPMB: (A x 2%)																				612.279.000	
	Tổng cộng (A+B)																					31.226.243.000

PHỤ LỤC 4

BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH DO GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN: TUYẾN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639), ĐOẠN TỪ QL1D ĐẾN QL19 (MỚI)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Diện tích đất ở được bồi thường (m ²)	Lô đất tái định cư được giao				diện tích giao đất tái định cư bằng diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư (đồng/m ²)	diện tích giao đất tái định cư vượt diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Giá đất ở thị trường để thu tiền sử dụng đất phần diện tích giao vượt (đồng/m ²)	Giá trị tiền sử dụng đất hộ thực nộp (đồng)	Ghi chú
				Lô số, khu	Đường (lộ giới)	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)						
I	Giao đất ở tái định cư thu tiền sử dụng đất theo giá đất ở tái định cư										7.733.950.000		
1	Nguyễn Thọ (chết), vợ Nguyễn Thị Cường	332 Hùng Vương, phường Nhơn Bình	54,8	Lô 23, Khu N	đường Đ14, lộ giới 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	75,0	54,8	7.500.000	20,2	10.000.000	613.000.000	
2	Nguyễn Hồng Sanh (chết), vợ Đoàn Thị Sáu	334 Hùng Vương, phường Nhơn Bình	65,32	Lô 09, Khu E	đường Đ1 (B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	70	65,32	7.500.000	4,7	10.000.000	536.700.000	
3	Nguyễn Thực (chết), vợ Phạm Thị Khánh	336 Hùng Vương, phường Nhơn Bình	69,80	Lô 08, Khu E	đường Đ1 (B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	70	69,8	7.500.000	0,2	10.000.000	525.500.000	
				Lô 3đ - Khu OLK- 04	đường ĐS1, rộng 16m		260	260	8.000.000			2.080.000.000	

4	Phạm Hàn (chết), con Phạm Trọng Huy ĐDKK	08/1 Đào Tấn, phường Nhơn Bình	700,8	Lô 5đ - Khu OLK- 04	đường ĐS1, rộng 16m	Khu dân cư Khu vực 4, phường Nhơn Bình	260	260	8.000.000			2.080.000.000	
				Lô 14 - Khu OLK- 04	đường ĐS2, rộng 14m		155	155	7.000.000			1.085.000.000	
5	Nguyễn Trung (chết), Nguyễn Thị Dỹ (chết), ông Nguyễn Văn Đay, ông Nguyễn Văn Quận đồng quyền sử dụng	Tổ 9, khu vực 2, phường Nhơn Bình	150,0	Lô 59- Khu N	đường Đ1 (B-B), rộng 15.5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	108,5	108,5	7.500.000			813.750.000	
II Giao đất ở tái định cư thu tiền sử dụng đất theo giá đất ở cụ thể theo thị trường												2.862.600.000	
1	Nguyễn Văn Đay	Tổ 9, khu vực 2, phường Nhơn Bình		Lô 57đ - Khu N	đường Đ1(B-B), rộng 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	75,0				10.000.000	750.000.000	
2	Nguyễn Thanh Trúc	Tổ 9, khu vực 2, phường Nhơn Bình		Lô 20 - Khu N	đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	60,0				10.000.000	600.000.000	
3	Nguyễn Thanh Trí	Tổ 9, khu vực 2, phường Nhơn Bình		Lô 20đ - Khu N	đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	60,0				10.000.000	600.000.000	
4	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Tổ 9, khu vực 2, phường Nhơn Bình		Lô 2 - Khu OLK-02	đường ĐS3, rộng 16m	Khu dân cư Khu vực 4, phường Nhơn Bình	70,2				13.000.000	912.600.000	
III Tổng cộng (I + II):												10.596.550.000	